

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/CBTT-STP

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà

- Mã chứng khoán: **STP**

- Địa chỉ trụ sở: Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

- Điện thoại: 024. 33521290/33828440 (máy lẻ 115); Fax: 024. 33822791

2. Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà được tổ chức vào ngày 24/04/2018.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/04/2018 tại đường dẫn: **stp.com.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ.
- Biên bản số 01/2018/BB-ĐHĐCĐ



Người được ủy quyền CBTT
(Ký tên, đóng dấu)

Vũ Thúy Quỳnh.

Nơi nhận:

- Như K/gửi
- Lưu TH

Số: 01/2018/NQ-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà;
- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà ngày 24 tháng 04 năm 2018;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà ngày 24 tháng 04 năm 2018 được tiến hành khai mạc với 150 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 5.525.275 cổ phần tương đương 68,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết, số lượng cổ đông và người được ủy quyền tham gia biểu quyết hợp lệ là 207 người, đại diện 5.824.979 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 72,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

(Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội).

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

(Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội).

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán A&C; Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017.

(Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội), cụ thể như sau:

3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của công ty mẹ và hợp nhất đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty, bao gồm các nội dung:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập.
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2. Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017, như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế đến 31/12/2017	2.307.296.078
2	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi 3% LNST	69.218.882
3	Trích lập Quỹ phúc lợi 3% LNST	69.218.882
4	Chia cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 2,5%/CP x 8.022.063 CP (Cổ phiếu quỹ 23.681 CP không được nhận cổ tức)	2.005.515.750
5	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (5=1-2-3-4)	163.342.564

Điều 4: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và mức cổ tức dự kiến năm 2018 (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội), cụ thể như sau:

- Tổng giá trị sản lượng: 222,897 tỷ đồng
- Tổng doanh thu: 204,328 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 10,0 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân CBCNV (người/tháng): 7.500.000 đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 10,0 tỷ đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức: 7%÷10%/năm
- Khối lượng sản phẩm chủ yếu:
 - Sản xuất vỏ bao (Trong nước và xuất khẩu): 30 triệu sản phẩm

Điều 5: Thông qua Báo cáo về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2017 đồng thời trình ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký năm 2018 và chính sách khen thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý năm 2018 (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.717.493 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 98,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội), cụ thể như sau:

5.1. Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2017:

TT	Chức vụ	Số người	Mức thù lao (đồng/tháng)	Thành tiền số được chi (đồng)	Thành tiền số thực chi (đồng)
I	Hội đồng quản trị	05		624.000.000	539.345.887
1	Chủ tịch HĐQT Chuyên trách	01	35.000.000	420.000.000	347.345.887
2	Thành viên.HĐQT	04	4.000.000	192.000.000	192.000.000
II	Ban kiểm soát	03		120.000.000	120.000.000
1	Trưởng BKS	01	4.000.000	48.000.000	48.000.000

TT	Chức vụ	Số người	Mức thù lao (đồng/tháng)	Thành tiền số được chi (đồng)	Thành tiền số thực chi (đồng)
2	Ủy viên Ban kiểm soát	02	3.000.000	72.000.000	72.000.000
III	Thư ký HĐQT	01	3.000.000	36.000.000	36.000.000
	Tổng cộng (I+II+III):			768.000.000	695.345.887

5.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký năm 2018:

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 35.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao của 04 ủy viên HĐQT 4.000.000 đồng/người/tháng
- Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách 9.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao của 02 ủy viên BKS và 01 thư ký: 3.000.000 đồng/người/tháng
- **Tổng thù lao trả HĐQT, BKS, thư ký năm 2018: 828.000.000 đồng/năm**

5.3. Chính sách khen thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt năm 2018:

- Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt: 05% phần lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận.
- Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ban tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt: 30% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch nếu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận.

Điều 6: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội), cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2018 của công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà.

1. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
2. Công ty TNHH kiểm toán và kế toán An Việt

Điều 7: Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội).

Điều 8: Thông qua toàn văn Quy chế quản trị công ty (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội).

Điều 9: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội), cụ thể như sau:

- Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu và ngân sách hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 cho phù hợp với diễn biến thị trường và chính sách pháp luật.

- Quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây:
 - + Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 35% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty và những người có liên quan của họ.
 - + Thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc và người có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc.
 - + Các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại
- Các quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo các nội dung nêu trên (nếu phát sinh) trước Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Điều 10: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội).

I. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
- Trụ sở chính: Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội
- Điện thoại : (024) 33 521 290 Fax: (024) 33 822 791
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500436570 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/04/2003; cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 26/12/2016.
- Vốn điều lệ: 80.457.440.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2017: 23.861 cổ phần

II. Phương án phát hành

1. Tổ chức phát hành:

- Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà
- Địa chỉ : Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội
- Điện thoại : (024) 33 521 290 Fax: (024) 33 822 791

2. Loại chứng khoán phát hành:

Cổ phần phổ thông

3. Loại tiền phát hành:

Việt Nam Đồng

4. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/Cổ phần)

5. Phạm vi, đối tượng phát hành

Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà

6. Khối lượng dự kiến phát hành:

- Số lượng cổ phần phát hành : 802.207 cổ phần (Tám trăm linh hai nghìn, hai trăm linh bảy cổ phần)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 8.022.070.000 đồng (Tám tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng)

7. Phương thức phát hành:

- Tỷ lệ thực hiện : 100:10
(Điều này có nghĩa: tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 10 cổ phần)
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Nguồn phát hành : Quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định tại Điều 33, Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính công ty mẹ

Chi tiết các nguồn tại ngày 31/12/2017 (Theo Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2017)

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Thặng dư vốn cổ phần	42.261.553.850
2	Quỹ đầu tư phát triển	19.403.956.567
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.307.296.078
	Tổng cộng	63.972.806.495

Công ty sẽ lấy nguồn từ Quỹ đầu tư phát triển để phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

8. Xử lý cổ phần lẻ phát sinh và cổ phần chưa được phân phối hết

Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

9. Dự kiến thời gian phát hành

Trong năm tài chính 2018

10. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề và triển khai các thủ tục liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; xây dựng chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ và các thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có), nhằm triển khai thành công đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty, các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông Công ty;
- Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, tiến độ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần;
- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn: thay đổi nội dung về vốn điều lệ ghi trên Điều lệ Công ty, thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn thiện phát hành cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công.

Điều 11: Thông qua Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2017, 2018 (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội), cụ thể như sau:

DHĐCĐ công ty thông qua phương án chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2017, 2018 như sau:

1. Điều chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Quỹ cổ tức số tiền là: **8.022.063.000 đ** (Bằng chữ: Tám tỷ không trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi ba đồng) để thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ cổ tức 10% bằng tiền mặt. Thời gian thực hiện: Trong quý II/2018.
2. Trong trường hợp Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông công ty biểu quyết thông qua và được UBCK Nhà nước chấp thuận, HĐQT công ty đề xuất điều chỉnh kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018 từ mức dự kiến từ 7-10% tăng lên 17-20%.
3. **Cổ tức năm 2017:** Nếu Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2018 nêu tại mục 1 nêu trên được thực hiện thì năm 2017 Công ty không thực hiện chi trả cổ tức 2,5% bằng tiền mặt theo Phương án tại tờ trình số 01/2018/TT-HĐQT ngày 17/04/2018 (Tức là: tỷ lệ cổ tức năm 2017 là: 0%); và không thực hiện phát hành 802.207 cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án tại tờ trình số 07/2018/TT-HĐQT ngày 13/04/2018 đã được HĐQT công ty trình trước Đại hội. Toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2017 sau khi trích lập các quỹ theo quy định sẽ được giữ lại Lợi nhuận chưa phân phối.
4. Trường hợp Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2018 không được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông công ty và/hoặc không được UBCK Nhà nước chấp thuận thì công ty sẽ tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 là 2,5% bằng tiền mặt theo tờ trình số 01/2018/TT-HĐQT ngày 17/04/2018 và phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tờ trình số 07/2018/TT-HĐQT ngày 13/04/2018 nếu được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện tất cả các thủ tục để điều chuyển nguồn Quỹ đầu tư phát triển sang Quỹ cổ tức và thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018 cho cổ đông theo quy định.

Điều 12: Thông qua việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023, như sau:

1. Thông qua Tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023 bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng thẻ biểu quyết

(Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội).

2. Thông qua danh sách ứng viên bầu vào thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023 bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng thẻ biểu quyết

(Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội).

- Đại hội thông qua danh sách các ứng viên bầu HĐQT, bao gồm:

1. Bà Phùng Thị Huyền
2. Ông Nguyễn Trọng Lợi
3. Ông Nguyễn Trọng San
4. Ông Nguyễn Quang Thiều
5. Ông Nguyễn Trọng Trãi

- Đại hội thông qua danh sách các ứng viên bầu BKS, bao gồm

1. Bà Nguyễn Thị An
2. Ông Nguyễn Tuấn Quân
3. Ông Bùi Minh Tuấn

3. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023

- Danh sách trúng cử thành viên HĐQT, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Trọng Trãi
2. Ông Nguyễn Trọng San
3. Ông Nguyễn Trọng Lợi
4. Ông Nguyễn Quang Thiều
5. Bà Phùng Thị Huyền.

- Danh sách trúng cử thành viên BKS, bao gồm

1. Ông Nguyễn Tuấn Quân
2. Ông Bùi Minh Tuấn
3. Bà Nguyễn Thị An

Điều 13: Triển khai thực hiện Nghị quyết

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2018.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cổ đông có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tới Đại hội đồng cổ đông tại Phiên họp thường niên năm 2019.

Nơi nhận:

- Như điều 13
- UBCKNN
- Sở GD&ĐT HN
- TTLKCKVN
- CBTT theo qui định
- Lưu HĐQT

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Trọng Sơn



Số: 01/2018/BB-ĐHĐCĐ

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà
Địa chỉ: Số 41, đường Quyết Thắng, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP.Hà Nội, Việt Nam
Giấy CN ĐKDN số: 0500436570 ngày 26/12/2016 do Sở KH &ĐT TP Hà Nội cấp
Thời gian họp: Bắt đầu lúc 8giờ30 phút ngày 24 tháng 04 năm 2018
Địa điểm họp: Hội trường Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà
Chủ tọa đại hội: Ông Nguyễn Trọng San - Chủ tịch HĐQT
Thư ký đại hội: Bà Nguyễn Thị An
Bà Vũ Thúy Quỳnh

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ban Tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự Đại hội

2. Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội

Ông Bùi Minh Tuấn - thay mặt Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông đủ điều kiện tham dự đại hội, theo đó:

- Tổng số cổ đông của Công ty là 1.025 cổ đông, nắm giữ 8.457.440 cổ phần (trong đó cổ phiếu quỹ là 23.681 cổ phần không có quyền biểu quyết tại đại hội).

- Đại hội được triệu tập với tổng số 1.024 cổ đông, đại diện cho 8.022.063 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tại thời điểm khai mạc, tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại hội có 150 cổ đông và đại diện được ủy quyền, nắm giữ 5.525.275 cổ phần, tương đương 68,88% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Điều lệ của Công ty, ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Công nghiệp thương mại Sông Đà với thành phần tham dự như trên là hợp pháp và hợp lệ.

3. Bà Nguyễn Thị An thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do khai mạc đại hội, giới thiệu đại biểu, khách mời tham dự đại hội:

- Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch gồm 05 người lên điều hành Đại hội:

+ Ông Nguyễn Trọng San - Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa

+ Ông Nguyễn Trọng Trãi - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

+ Ông Vũ Hữu Sùng - Thành viên HĐQT

+ Ông Lê Duy Hiếu - Thành viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Trọng Lợi - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

Và công bố đề xuất của Hội đồng quản trị về thành phần Ban kiểm tra tư cách, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu để lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành, cụ thể như sau:

3.1. Ban Thư ký:

+ Bà Nguyễn Thị An: Trưởng ban

+ Bà Vũ Thúy Quỳnh: Ủy viên

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

+ Ông Bùi Minh Tuấn - Trưởng Ban kiểm soát: Trưởng Ban

+ Bà Ngô Huyền Trang: Ủy viên

+ Bà Tăng Thị Giang: Ủy viên

3.3. Ban kiểm phiếu:

+ Ông Đỗ Văn Hách- Trưởng phòng KDVT: Trưởng Ban

+ Bà Trần Thị Minh Thảo: Ủy viên

+ Bà Ngô Huyền Trang: Ủy viên

4. Thông qua nội dung chương trình đại hội, Quy chế làm việc:

- Ông Vũ Hữu Sùng trình bày nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lấy ý kiến đại hội để thông qua. Đại hội đã thông qua nội dung chương trình đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.

- Ông Lê Duy Hiếu trình bày và lấy ý kiến đại hội để thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.

- Ông Nguyễn Trọng Lợi trình bày và lấy ý kiến đại hội để thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023. Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.

II. CÁC NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2017, định hướng phát triển và nhiệm vụ hoạt động năm 2018.

Ông Nguyễn Trọng Sơn - Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2017, định hướng phát triển và nhiệm vụ hoạt động năm 2018.

2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

Ông Bùi Minh Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát đã trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

3. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017

Ông Nguyễn Trọng Trãi – thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty đã trình bày Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017, như sau:

3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của công ty mẹ và hợp nhất đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty, bao gồm các nội dung:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

3.2. Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế đến 31/12/2017	2.307.296.078
2	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi 3% LNST	69.218.882
3	Trích lập Quỹ phúc lợi 3% LNST	69.218.882
4	Chia cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 2,5%/CP x 8.022.063 CP (Cổ phiếu quỹ 23.681 CP không được nhận cổ tức)	2.005.515.750
5	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (5=1-2-3-4)	163.342.564

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự kiến cổ tức năm 2018, như sau:

Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự kiến cổ tức năm 2018, như sau:

- | | |
|--|-------------------|
| 1. Tổng giá trị sản lượng: | 222,897 tỷ đồng |
| 2. Tổng doanh thu: | 204,328 tỷ đồng |
| 3. Lợi nhuận trước thuế: | 10,0 tỷ đồng |
| 4. Thu nhập bình quân CBCNV (người/tháng): | 7.500.000 đồng |
| 5. Nộp ngân sách Nhà nước: | 10,0 tỷ đồng |
| 6. Tỷ lệ trả cổ tức: | 7%÷10%/năm |
| 7. Khối lượng sản phẩm chủ yếu: | |
| - Sản xuất vỏ bao (Trong nước và xuất khẩu): | 30 triệu sản phẩm |

5. Báo cáo ĐHĐCĐ về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2017 đồng thời trình ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký năm 2018 và chính sách khen thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý năm 2018

5.1. Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2017:

TT	Chức vụ	Số người	Mức thù lao (đồng/tháng)	Thành tiền số được chi (đồng)	Thành tiền số thực chi (đồng)
I	Hội đồng quản trị	05		624.000.000	539.345.887

TT	Chức vụ	Số người	Mức thù lao (đồng/tháng)	Thành tiền số được chi (đồng)	Thành tiền số thực chi (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT Chuyên trách	01	35.000.000	420.000.000	347.345.887
2	Thành viên.HĐQT	04	4.000.000	192.000.000	192.000.000
II	Ban kiểm soát	03		120.000.000	120.000.000
1	Trưởng BKS	01	4.000.000	48.000.000	48.000.000
2	Ủy viên Ban kiểm soát	02	3.000.000	72.000.000	72.000.000
III	Thư ký HĐQT	01	3.000.000	36.000.000	36.000.000
	Tổng cộng (I+II+III):			768.000.000	695.345.887

5.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký năm 2018:

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 35.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao của 04 ủy viên HĐQT 4.000.000 đồng/người/tháng
- Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách 9.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao của 02 ủy viên BKS và 01 thư ký: 3.000.000 đồng/người/tháng
- **Tổng thù lao trả HĐQT, BKS, thư ký năm 2018: 828.000.000 đồng/năm**

5.3. Chính sách khen thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt năm 2018:

- Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt: 05% phần lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận.
- Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ban tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt: 30% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch nếu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận.

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018: Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018, như sau:

Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán: Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết. Đáp ứng các yêu cầu về phạm vi, tiến độ kiểm toán và có mức phí kiểm toán phù hợp; Không xung đột các quyền lợi và lợi ích hợp pháp khác khi thực hiện kiểm toán cho STP. Ưu tiên các Công ty: Đã có kinh nghiệm kiểm toán STP hoặc đã kiểm toán các đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương tự như STP. Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí trên, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của STP, như sau:
 - + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
 - + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn An Việt

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của STP.

7. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Trọng Lợi trình bày dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, gồm 21 chương 56 điều.

8. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Trọng Lợi trình bày dự thảo Quy chế quản trị của Công ty gồm 11 chương, 48 điều.

9. Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, như sau:

- Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu và ngân sách hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 cho phù hợp với diễn biến thị trường và chính sách pháp luật.
- Quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây:
 - + Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 35% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty và những người có liên quan của họ.
 - + Thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc và người có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc.
 - + Các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại
- Các quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo các nội dung nêu trên (nếu phát sinh) trước Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

10. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nội dung cụ thể:

✦ Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
- Trụ sở chính: Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội
- Điện thoại : (024) 33 521 290 Fax: (024) 33 822 791
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500436570 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/04/2003; cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 26/12/2016.
- Vốn điều lệ: 80.457.440.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2017: 23.861 cổ phần

✦ Phương án phát hành

• Tổ chức phát hành:

- Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà
- Địa chỉ : Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội
- Điện thoại : (024) 33 521 290 Fax: (024) 33 822 791

- **Loại chứng khoán phát hành:**
Cổ phần phổ thông
 - **Loại tiền phát hành:**
Việt Nam Đồng
 - **Mệnh giá:**
10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/Cổ phần)
 - **Phạm vi, đối tượng phát hành**
Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà
 - **Khối lượng dự kiến phát hành:**
 - Số lượng cổ phần phát hành : **802.207 cổ phần** (Tám trăm linh hai nghìn, hai trăm linh bảy cổ phần)
 - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: **8.022.070.000 đồng** (Tám tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng)
 - **Phương thức phát hành:**
 - Tỷ lệ thực hiện : **100:10**
(Điều này có nghĩa: tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 10 cổ phần)
 - Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần**
 - Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
 - Nguồn phát hành : Quỹ đầu tư phát triển
- Theo quy định tại Điều 33, Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính công ty mẹ Chi tiết các nguồn tại ngày 31/12/2017 (Theo Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2017)

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Thặng dư vốn cổ phần	42.261.553.850
2	Quỹ đầu tư phát triển	19.403.956.567
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.307.296.078
	Tổng cộng	63.972.806.495

Công ty sẽ lấy nguồn từ Quỹ đầu tư phát triển để phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

- **Xử lý cổ phần lẻ phát sinh và cổ phần chưa được phân phối hết**
Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.
- **Dự kiến thời gian phát hành**
Trong năm tài chính 2018

• Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề và triển khai các thủ tục liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; xây dựng chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ và các thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có), nhằm triển khai thành công đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty, các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông Công ty;
- Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, tiến độ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần;
- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn: thay đổi nội dung về vốn điều lệ ghi trên Điều lệ Công ty, thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn thiện phát hành cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công.

11. Đại hội thông qua tờ trình Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2017 và tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018.

DHĐCĐ công ty thông qua phương án chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2017, 2018 như sau:

1. Điều chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Quỹ cổ tức số tiền là: **8.022.063.000 đ** (Bằng chữ: Tám tỷ không trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi ba đồng) để thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ cổ tức 10% bằng tiền mặt. Thời gian thực hiện: Trong quý II/2018.
2. Trong trường hợp Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông công ty biểu quyết thông qua và được UBCK Nhà nước chấp thuận, HĐQT công ty đề xuất điều chỉnh kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018 từ mức dự kiến từ 7-10% tăng lên 17-20%.
3. **Cổ tức năm 2017:** Nếu Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2018 nêu tại mục 1 nêu trên được thực hiện thì năm 2017 Công ty không thực hiện chi trả cổ tức 2,5% bằng tiền mặt theo Phương án tại tờ trình số 01/2018/TT-HĐQT ngày 17/04/2018 (Tức là: tỷ lệ cổ tức năm 2017 là: 0%); và không thực hiện phát hành 802.207 cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án tại tờ trình số 07/2018/TT-HĐQT ngày 13/04/2018 đã được HĐQT công ty trình trước Đại hội. Toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2017 sau khi trích lập các quỹ theo quy định sẽ được giữ lại Lợi nhuận chưa phân phối.
4. Trường hợp Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2018 không được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông công ty và/hoặc không được UBCK Nhà nước chấp thuận thì công ty sẽ tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 là 2,5% bằng tiền mặt theo tờ trình số 01/2018/TT-HĐQT ngày 17/04/2018 và phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tờ trình số 07/2018/TT-HĐQT ngày 13/04/2018 nếu được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện tất cả các thủ tục để điều chuyển nguồn Quỹ đầu tư phát triển sang Quỹ cổ tức và thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018 cho cổ đông theo quy định.

12. Thông qua việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023, như sau:

1. Thông qua Tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023 bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng thẻ biểu quyết (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội)

Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2018 ÷ 2023), như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018 ÷ 2023): 05 người

- Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2018 ÷ 2023): 03 người

2. Đại hội thông qua danh sách ứng viên bầu vào thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023 bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng thẻ biểu quyết (Với số cổ phiếu biểu quyết tán thành là 5.797.993 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội)

- Đại hội thông qua danh sách các ứng viên bầu HĐQT, bao gồm:

1. Bà Phùng Thị Huyền
2. Ông Nguyễn Trọng Lợi
3. Ông Nguyễn Trọng San
4. Ông Nguyễn Quang Thiều
5. Ông Nguyễn Trọng Trãi

- Đại hội thông qua danh sách các ứng viên bầu BKS, bao gồm:

1. Bà Nguyễn Thị An
2. Ông Nguyễn Tuấn Quân
3. Ông Bùi Minh Tuấn

III. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Sau khi trình bày nội dung các Báo cáo, các tờ trình thông qua tại Đại hội, Ông Nguyễn Trọng San - Chủ tọa cuộc họp chủ trì việc thảo luận các nội dung nêu trong Đại hội.

Các cổ đông dự họp nhất trí cao với các nội dung báo cáo và tờ trình do Đoàn Chủ tịch vừa trình bày trước Đại hội và không có ý kiến nào khác.

IV. BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết số lượng cổ đông tham gia biểu quyết hợp lệ là 207 cổ đông đại diện 5.824.979 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 72,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Sau khi thảo luận các cổ đông tham dự Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua từng nội dung và tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023, như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự kiến cổ tức năm 2018

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

5. Báo cáo ĐHCĐ về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2017; Thông qua mức thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký năm 2018 và chính sách khen thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý năm 2018

- Số phiếu tán thành: 5.717.493 cổ phần, chiếm 98,61% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 80.500 cổ phần, chiếm 1,39% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

7. Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, gồm

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

8. Thông qua toàn văn Quy chế quản trị của Công ty, gồm

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

9. Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

10. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

11. Thông qua Phương án điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2017, 2018

- Số phiếu tán thành: 5.797.993 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

12. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018 + 2023, như sau:

Ông Đỗ Văn Hách - Trưởng Ban kiểm phiếu trình bày Biên bản kiểm phiếu bầu cử, theo đó:

*) Danh sách trúng cử thành viên HĐQT, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Trọng Trãi đạt 6.123.150 quyền bầu = 105,73% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.
2. Ông Nguyễn Trọng San đạt 5.756.840 quyền bầu = 99,41% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.
3. Ông Nguyễn Trọng Lợi đạt 5.749.065 quyền bầu = 99,27% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.
4. Ông Nguyễn Quang Thiệu đạt 5.654.000 quyền bầu = 97,63% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.
5. Bà Phùng Thị Huyền đạt 5.571.585 quyền bầu = 96,21% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.

*) Danh sách trúng cử kiểm soát viên, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Tuấn Quân đạt 5.833.494 quyền bầu = 100,53% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.
2. Ông Bùi Minh Tuấn đạt 5.814.148 quyền bầu = 100,19% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.
3. Bà Nguyễn Thị An đạt 5.759.952 quyền bầu = 99,26% tổng số cổ phần tham dự hợp lệ.

V. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

- Bà Nguyễn Thị An thay mặt Ban thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội

- Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Đại hội đồng cổ đông đã tán thành 100% thông qua Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà đã kết thúc vào hồi 11 giờ 50 phút, ngày 24 tháng 04 năm 2018.

BAN THƯ KÝ


Nguyễn Thị An


Vũ Thúy Quỳnh

**T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

CHỦ TỌA



Nguyễn Trọng Sơn

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính thưa các Quý vị cổ đông, các Quý vị đại biểu khách quý!

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP công nghiệp thương mại Sông Đà trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2017, tổng kết nhiệm kỳ 2013÷2017; kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2018 và định hướng giai đoạn 2018÷2023, như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NHIỆM KỲ III (2013 ÷ 2017):

1. Đặc điểm tình hình thế giới, trong nước năm 2017 tác động đến công ty:

Tình hình thế giới: Năm 2017, tình hình thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp xuất phát từ những vấn đề căng thẳng địa chính trị giữa các quốc gia. Tuy nhiên, trái ngược với những dự báo, bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2017 lại được đánh giá khá tích cực, nhiều nền kinh tế đã có những bứt phá ấn tượng sau nhiều năm trì trệ. Hiệp định TPP thất bại với sự rút lui của Mỹ đã làm cản trở tiến trình và ảnh hưởng đến các cơ hội tăng trưởng phát triển kinh tế của các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, các nước thành viên còn lại cũng đã đạt được một thỏa thuận mới về một hiệp định trên cơ sở phiên bản của hiệp định TPP (gọi là Hiệp định CT TPP) sẽ hứa hẹn các cơ hội tăng trưởng cho nền kinh tế các nước tham gia trong những năm tiếp theo, trong đó có Việt Nam.

Về thị trường dầu mỏ thế giới: Sau cuộc cạnh tranh khốc liệt dẫn đến giá dầu mỏ giảm mạnh chưa từng có trong năm 2016, các nước thành viên OPEC đã đạt được thỏa thuận về tình trạng dư cung, giá dầu mỏ đã được điều chỉnh tăng nhẹ từ cuối năm 2016 và giữ ổn định đến cuối quý 3/2017, trước khi có biến động tăng mạnh mẽ hơn vào cuối năm.

Tình hình trong nước: Với thông điệp Chính phủ kiến tạo phát triển, năm 2017 được đánh giá là năm có nhiều thành tựu nổi bật, sức sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp được phát huy cao hơn. Sau hơn 30 năm đổi mới, lần đầu tiên kinh tế tư nhân được khẳng định là động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường, nhiều chính sách mang tính giải pháp cho kinh tế tư nhân được Chính phủ ban hành với mục tiêu thúc đẩy kinh tế tư nhân nhằm hiện thực hóa mục tiêu thay đổi căn bản về tỷ trọng trong tổng cơ cấu nền kinh tế.

Năm 2017, Việt Nam đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Quốc hội đề ra. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, thu ngân sách và các cân đối lớn của nền kinh tế đều đạt yêu cầu đề ra. GDP tăng trưởng 6,81%, xuất khẩu trên 200 tỷ USD, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên 33 tỷ USD, ngành du lịch phát triển vượt bậc, hơn 120 nghìn doanh nghiệp thành lập mới... đánh dấu và tạo đà cho giai đoạn phát triển tiếp theo của các DN trong nước.

Đối với công ty, hoạt động SXKD năm 2017 của công ty nhìn chung có nhiều yếu tố thuận lợi, tình hình việc làm tương đối ổn định ngay từ đầu năm, giá hạt nhựa PP cơ bản giữ ổn định đến hết quý III, tuy nhiên bước sang quý IV có biến động tăng cao (khoảng 10%) làm ảnh hưởng đến hiệu quả của đơn vị.

Ngoài ra, do tiếp tục phải xử lý các khoản trích lập dự phòng từ các khoản đầu tư trước đây để lại, các khoản công nợ tồn đọng khó đòi và bù đắp khoản lỗ từ hoạt động SXKD của công ty con nên chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao. Số liệu cụ thể sẽ được báo cáo chi tiết sau đây.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017 do ĐHĐCĐ giao:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	
				Giá trị	Tỷ lệ HT (%)
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	252,3	252,1	99,9
	Trong đó: Công ty mẹ	Tỷ đồng	235,7	248,3	105,3
2	Doanh thu	Tỷ đồng	230,8	232,0	100,5
	Trong đó: Công ty mẹ	Tỷ đồng	215,7	228,6	105,9
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	14,6	9,7	66,4
	Trong đó: Công ty mẹ	Tỷ đồng	12,0	8,7	72,5
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	3,0	3,046	101,5
	Trong đó: Công ty mẹ (KH điều chỉnh)	Tỷ đồng	3,0	3,092	103,0
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		2,2	
	Trong đó: Công ty mẹ	Tỷ đồng		2,3	
6	Thu nhập bình quân NLD	đ/ng/th	7.000.000	8.751.000	125,0
7	Sản phẩm tiêu thụ				
	- SX vỏ bao các loại	Triệu SP	30,0	35,1	117,3
	- KD hạt nhựa	Tấn	1.800	865	48,0
	- KD clinke+xi măng	Tấn	36.000	38.864	107,9

* Đánh giá chung:

Năm 2017, ngay từ đầu năm, HĐQT và ban lãnh đạo công ty đã nhận định tình hình thực hiện kế hoạch năm sẽ gặp phải những khó khăn nhất định do sự cạnh tranh tương đối khắc nghiệt giữa các DN trong ngành, kết quả thực hiện các kế hoạch đấu thầu cung cấp sản phẩm cho khách hàng với giá trúng thầu rất thấp, trong khi giá nguyên vật liệu luôn luôn trong tình trạng tăng giá. Một số đơn hàng của khách hàng được xem là khách hàng lớn nhưng không có hiệu quả hoặc hiệu quả rất thấp, tuy nhiên vẫn phải duy trì cung cấp để giữ thị phần. Bù lại, công ty phải tập trung phát triển thêm thị trường mới, đẩy mạnh sản lượng sản xuất nhằm khai thác tối đa năng lực, giảm chi phí giá thành góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Trong điều kiện SXKD còn nhiều khó khăn, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự quyết tâm và cố gắng nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, nhìn

chung một số chỉ tiêu kinh tế như: sản lượng, doanh thu của công ty đã đạt kế hoạch đề ra. Riêng về chỉ tiêu lợi nhuận: Năm 2017, ĐHĐCĐ đã thông qua mục tiêu kế hoạch lợi nhuận là **10,15 tỷ đồng**, tuy nhiên căn cứ tình hình thực tế các khoản trích lập dự phòng quá lớn so với quy mô đơn vị, quý IV/2017 thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT công ty đã nhất trí điều chỉnh kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm là 3,0 tỷ đồng. Kết quả thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017 đạt 3,046 tỷ đồng = 101,5% kế hoạch sau điều chỉnh và bằng 30% so với kế hoạch trước điều chỉnh.

Tổng số tiền trích lập dự phòng và hạch toán lỗ hoạt động SXKD của công ty con trong năm là: **11,897 tỷ đồng**, cụ thể:

+ Hạch toán lỗ hoạt động Công ty con, số tiền là: 4.677.208.116 Đ

+ Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi: 7.178.746.316 Đ

+ Trích lập dự phòng khác: 41.382.000 Đ

*** Các mặt hoạt động khác:**

- Công tác thu hồi vốn công ty mẹ đạt 244,2 tỷ đồng/KH 236,1 tỷ đồng=103,4%KH. Kết quả thu hồi vốn năm 2017 toàn công ty hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, công nợ phải thu cuối năm vẫn còn cao, việc thu vốn đối với các khoản công nợ phải thu tồn đọng khó đòi tồn tại từ những năm trước mặc dù mức thu trong năm đã tăng lên song chưa giải quyết được nhiều làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD và hiệu quả sử dụng vốn.

- Công tác thị trường tiêu thụ: Năm 2017, tổng sản lượng SP tiêu thụ đạt 35,1 triệu SP/KH 30,0 triệu SP, đạt 117,3% kế hoạch. Đánh giá kết quả công tác khai thác thị trường năm 2017 tiếp tục được duy trì và đạt mức cao nhất trong nhiều năm qua.

- Hoạt động sản xuất trong năm đã có nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được áp dụng trong dây chuyền công nghệ SX, chất lượng sản phẩm được cải thiện, năng suất lao động được nâng cao, đặc biệt đã góp phần giảm giá thành sản xuất sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh cho SP của công ty trên thị trường.

- Thực hiện công tác đầu tư:

+ Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ SX: Trong năm 2017, công ty đã tiếp nhận, nghiệm thu và đưa vào vận hành các thiết bị với tổng giá trị đầu tư là 1,69 tỷ đồng, gồm có các máy móc thiết bị sau:

01 máy dựng bao Đài Loan.

01 máy phức tráng, 01 giàn máy may Đài Loan.

Các thiết bị, phụ tùng khác.

Ngoài ra, công ty đã tiếp nhận và vận chuyển 01 máy kéo sợi để chờ lắp đặt cho nhà máy mới; 12 máy dệt còn lại sẽ tiếp tục tiếp nhận trong năm 2018 để chuẩn bị lắp đặt tại nhà máy mới.

+ Công tác triển khai đầu tư nhà máy mới: Đã thành lập pháp nhân mới để tiếp quản dự án, trong đó công ty góp vốn tỷ lệ 49,5% vốn điều lệ. Hiện nay, nhà máy đã triển khai đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các giai đoạn tiếp theo xin cấp phép và giao đất để xây dựng nhà máy. Công tác khảo sát, nghiên cứu và lựa chọn thiết bị cũng như các phương án tài trợ vốn của dự án đã được ban lãnh đạo công ty song song triển khai trong năm qua nhằm rút ngắn thời gian đầu tư xây dựng nhà máy mới.

+ Việc thoái vốn tại Công ty TNHH XD và thương mại Sơn Tùng đã được HĐQT công ty nhất trí thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 05/01/2018 do

hoạt động không hiệu quả và thua lỗ kéo dài. Tính đến hết quý I/2018 công ty đã hoàn thành việc thoái vốn.

+ Tiếp tục đơn đốc kế hoạch thoái vốn các khoản đầu tư tài chính không hiệu quả, tuy nhiên khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Vinaconex 45 (công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị) đến nay vẫn chưa thể có điều kiện để thoái vốn do DN thua lỗ lớn.

- Công tác việc làm và thu nhập: Đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động với mức thu nhập ổn định và cao hơn năm trước. Thu nhập bình quân người lao động năm 2017 đạt 8,7 triệu đồng/người/tháng/kế hoạch 7,0 triệu đồng/người/tháng, đạt 125% kế hoạch. Thực hiện chi trả tiền lương đầy đủ và đúng hạn, không nợ lương, chậm lương. Nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, giải quyết chi trả chế độ đầy đủ, kịp thời cho người lao động.

- Hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Công ty luôn tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể: công đoàn, đoàn thanh niên phối hợp tổ chức các hoạt động chăm lo sức khỏe, quan tâm đến đời sống và tinh thần người lao động, các hoạt động giao lưu thể thao, thăm quan nghỉ mát nhằm khuyến khích người lao động yên tâm sản xuất và gắn bó lâu dài với đơn vị.

2. Triển khai các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 5% vào ngày 18/07/2017.

- Thực hiện sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A&C) soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của công ty.

- Thực hiện chi trả lương và thù lao các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2017 với tổng mức chi trả là: 695.345.887 đồng (TH)/768.000.000 đồng (mức được ĐHĐCĐ phê duyệt).

- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, căn cứ báo cáo tài chính bán niên năm 2017 đã được kiểm toán và tình hình thực tế SXKD của đơn vị, ngày 10/08/2017 Hội đồng quản trị đã thông qua điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2017, bao gồm chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2017, cụ thể như sau:

Nội dung	Kế hoạch đã phê duyệt	Kế hoạch điều chỉnh
Lợi nhuận trước thuế	10,15 tỷ đồng	3,0 tỷ đồng
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	7%÷10%/năm	2%/năm

3. Các hạn chế và tồn tại:

- Công nợ phải thu của khách hàng chủ yếu là các nhà máy xi măng thường xuyên duy trì ở mức cao do tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp ngành xi măng, công ty phải thực hiện thu vốn bằng đổi hàng xi măng, từ đó phát sinh khâu tiêu thụ xi măng, phát sinh chi phí thu vốn và kéo dài thời gian thu vốn, làm giảm hiệu quả chung của đơn vị.

- Công tác chỉ đạo thu hồi vốn đầu tư tại dự án khu CN Thạch Thất và công nợ phải thu khó đòi (Công ty Dương Hồng) chưa đạt kế hoạch do phải phụ thuộc vào năng lực nội tại của các doanh nghiệp chưa thể trả nợ trong điều kiện còn nhiều khó khăn như

hiện nay, thậm chí có DN bộc lộ thái độ chây ì, thiếu hợp tác nên mặc dù đơn vị đã đưa hồ sơ ra pháp luật nhưng công tác thu vốn vẫn chưa có kết quả rõ nét.

- Công tác chỉ đạo hoạt động SXKD tại công ty con được HĐQT công ty xem xét, đánh giá liên tục trong các kỳ họp thường kỳ. Mặc dù HĐQT công ty đánh giá việc duy trì hoạt động SXKD của công ty con tiếp tục gặp khó khăn và thua lỗ kéo dài, chủ trương thoái vốn cũng được HĐQT công ty thống nhất cao ngay từ đầu năm, tuy nhiên việc triển khai kế hoạch thoái vốn cũng mất rất nhiều thời gian do phải tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng vốn.

II. Hoạt động quản trị năm 2017:

1. Về nhân sự của HĐQT:

HĐQT Công ty gồm có 05 thành viên; Trong năm 2017 công ty không có sự thay đổi nhân sự HĐQT. Danh sách các thành viên HĐQT hiện nay:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng San	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Trọng Trãi	TV.HĐQT kiêm TGD
3	Vũ Hữu Súng	TV.HĐQT
4	Lê Duy Hiếu	TV.HĐQT
5	Nguyễn Trọng Lợi	TV.HĐQT kiêm Phó TGD

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch giám sát, chỉ đạo Ban điều hành và đưa ra các nghị quyết, quyết định để Ban điều hành thực hiện.

Năm 2017, HĐQT công ty đã tổ chức 7 phiên họp định kỳ cũng như tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ra các nghị quyết, quyết định, đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị cũng thường xuyên mời các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham dự để nắm bắt được tình hình hoạt động của công ty và đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT cân nhắc, xem xét trước khi ban hành các nghị quyết, quyết định. Các cuộc họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và được kiểm soát

Việc trao đổi, cung cấp thông tin cho thành viên không trực tiếp tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên, đầy đủ. Các thành viên HĐQT độc lập không tham gia điều hành đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn, quyết định, kế hoạch hoạt động của công ty và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc trong phạm vi được giao.

HDQT đã phối hợp với Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động của công ty nhằm ngăn chặn các sai sót.

Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp, kiểm tra và nghe Tổng giám đốc điều hành báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh từng quý và đưa ra hướng giải quyết các vấn đề phát sinh kịp thời.

Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, công tác thu hồi công nợ.

Thường xuyên đôn đốc Ban tổng giám đốc thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường theo qui định hiện hành.

Quyết định đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HDQT đã phê duyệt giải quyết các tờ trình, đề xuất của Ban Tổng giám đốc theo đúng qui định của Điều lệ công ty và qui định của pháp luật.

HDQT đã tập trung giám sát, chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, duy trì ổn định mọi mặt hoạt động của công ty.

3. Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

- Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HDQT.
- Ban Tổng giám đốc linh hoạt, chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh; Công tác mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm được thực hiện tốt đảm bảo việc làm thường xuyên cho người lao động, phát huy tối đa năng lực máy móc thiết bị.
- Việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trên cơ sở quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo và giám sát việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế.
- Chỉ đạo và giám sát công tác công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về kết quả hoạt động SXKD, BCTC định kỳ theo đúng quy định,
- Tổ chức thực hiện và đưa ra các giải pháp đối với các dự án đầu tư, công tác thu vốn.
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại một số vị trí lao động, phát huy tính chủ động của cán bộ quản lý cấp Xí nghiệp trực thuộc, nâng cao năng lực quản trị điều hành
- Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động phù hợp với quy định hiện hành.
- Việc thực hiện chi trả tiền lương, điều kiện làm việc, chế độ khen thưởng, xử phạt và các chế độ chính sách khác đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Các kết quả chỉ đạo của Tổng giám đốc được báo cáo trực tiếp cho Chủ tịch HDQT và báo cáo thông qua HDQT trong các cuộc họp.

II. Tổng kết hoạt động của HDQT trong nhiệm kỳ III (2013 ÷ 2017):

1. Về công tác tổ chức nhân sự:

1.1 Nhân sự HDQT

HDQT Công ty nhiệm kỳ 2013-2017 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tín nhiệm bầu 05 thành viên, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phan Văn Tam	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Trọng Trãi	Thành viên kiêm Phó tổng giám đốc
3	Trần Đức Uyên	Thành viên kiêm Tổng giám đốc
4	Vũ Hữu Sứng	Thành viên
5	Lê Duy Hiếu	Thành viên

Ngày 17/04/2013 HĐQT đã họp và thống nhất bầu ông Phan Văn Tam làm Chủ tịch HĐQT.

Thay đổi nhân sự HĐQT trong nhiệm kỳ 2013-2017:

***) Trường hợp bổ nhiệm:**

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Trãi-TV.HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 30/8/2014.
- Bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT là ông Đặng Văn Phúc và ông Nguyễn Trọng San kể từ ngày 22/12/2014.
- Bổ nhiệm ông Đặng Văn Phúc- TV.HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/12/2014.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng San-thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 18/03/2016.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Lợi – Phó Tổng giám đốc giữ chức vụ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/11/2016.

***) Trường hợp miễn nhiệm:**

- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Phan Văn Tam kể từ ngày 30/08/2014.
- Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Phan Văn Tam và ông Trần Đức Uyên kể từ ngày 22/12/2014.
- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Trọng Trãi từ ngày 22/12/2014.
- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Đặng Văn Phúc từ ngày 18/03/2016.
- Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Đặng Văn Phúc từ ngày 01/11/2016.

***) Danh sách HĐQT Công ty hiện nay:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng San	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Trọng Trãi	TV.HĐQT kiêm TGD
3	Vũ Hữu Sứng	TV.HĐQT
4	Lê Duy Hiếu	TV.HĐQT
5	Nguyễn Trọng Lợi	TV.HĐQT kiêm Phó TGD

1.2. Nhân sự Ban kiểm soát

BKS Công ty nhiệm kỳ 2013-2017 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tín nhiệm bầu 03 thành viên, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Văn Thúc	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Quang Thiều	Thành viên
3	Cao Văn Viễn	Thành viên

Thay đổi nhân sự Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2013-2017:

Do cơ cấu lại nhân sự công ty, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 họp ngày 18/04/2015 Đại hội đã miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát với ông Nguyễn Văn Thúc và ông Cao Văn Viễn đồng thời bầu bổ sung ông Bùi Minh Tuấn và ông Nguyễn Tuấn Quân làm thành viên Ban kiểm soát.

*) Trường hợp bổ nhiệm:

- Bổ nhiệm ông Bùi Minh Tuấn giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 18/04/2015.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Quân giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát từ ngày 18/04/2015.

*) Trường hợp miễn nhiệm:

- Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Văn Thúc từ ngày 18/04/2015.
- Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với ông Cao Văn Viễn từ ngày 18/04/2015.

*) Danh sách Ban kiểm soát hiện nay:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bùi Minh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Quang Thiều	Thành viên
3	Nguyễn Tuấn Quân	Thành viên

2. Hoạt động của HĐQT Công ty trong nhiệm kỳ:

- Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 15/04/2013 bầu các thành viên HĐQT khóa III, ngày 17/04/2013 các thành viên HĐQT khóa III đã họp phiên đầu tiên để bầu Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT.
- Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo bộ máy hoạt động theo đúng mục tiêu đề ra.
- Các thành viên HĐQT là những người có trình độ, có tâm huyết, có tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm cao, tuân thủ và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty.

2.1. Tổ chức các cuộc họp HĐQT

- Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và 54 cuộc họp HĐQT thường kỳ. Các văn bản do HĐQT ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, điều lệ công ty. Trình tự ban hành các văn bản đúng quy định, được thông qua các thành viên HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc trực tiếp tại các phiên họp thường kỳ.

- Thông báo, chương trình họp và các tài liệu kèm theo đều được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước.

- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định.

2.2. Cổ phiếu quỹ:

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã hai lần phê duyệt mua cổ phiếu quỹ và 01 lần tái phát hành cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau:

- Trong năm 2013 Công ty đã mua 420.200 cổ phần làm cổ phiếu quỹ trong thời gian từ 22/05/2013 đến 20/06/2013.

- Trong năm 2014 Công ty đã mua 154.100 cổ phần làm cổ phiếu quỹ trong thời gian từ 06/06/2014 đến 04/07/2014.

- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ tính đến 31/12/2014 là: 933.500 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua phương án tái phát hành cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Kết quả phát hành: + Số cổ phiếu đã phân phối: 909.819 cổ phần

+ Số cổ đông được phân phối: 1.129 cổ đông

+ Số cổ phiếu quỹ sau khi phân phối: 23.681 cổ phần

- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ tính đến 31/12/2017 là: 23.681 cổ phần.

Các lần mua cổ phiếu quỹ, tái phát hành cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu đều được Công ty công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

2.3. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ tính đến 31/12/2016: **70.000.000.000 đồng**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 21/04/2016 Đại hội đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho cổ đông hiện hữu.

Kết quả phát hành: + Số cổ phiếu đã phân phối: 1.045.744 cổ phần

+ Số cổ đông được phân phối: 1.113 cổ đông

+ Số lượng cổ phiếu sau khi phân phối: 8.045.744 cổ phần.

- Vốn điều lệ tính đến 31/12/2017: **80.457.440.000 đồng**

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty trong nhiệm kỳ:

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	290,0	315,6	246,8	285,0	232,0
2	Lợi nhuận trước thuế	8,0	-2,1	6,3	6,4	3,0
3	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	12%	0%	0%	5%	2,5%
4	Nộp ngân sách	13,5	18,0	12,8	14,5	9,7
5	Vốn chủ sở hữu	150,0	135,8	148,0	151,5	149,6

Kết luận:

Trong nhiệm kỳ vừa qua, công ty đã trải qua nhiều biến động lớn trong công tác nhân sự, cán bộ quản lý điều hành DN, do đó đã phần nào tác động đến tình hình SXKD của DN sau giai đoạn kiện toàn lại bộ máy. Tuy nhiên, với sự đoàn kết nhất trí cao trong HĐQT, công tác chỉ đạo được HĐQT sát sao, thường xuyên, hoạt động của công ty dần đi vào ổn định trở lại từ năm 2015 trở lại đây. Công tác điều hành chung trong nhiệm kỳ đã bảo đảm các chỉ tiêu về doanh thu, sản lượng, SXKD ổn định, đảm bảo an toàn về vốn và tài sản, đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động ngày một tăng lên, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tôn trọng và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm chưa đạt theo chỉ tiêu được ĐHĐCĐ công ty giao. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa tiên lượng hết những rủi ro đối với khoản đầu tư, các khoản phải thu tồn đọng kéo dài, hoạt động SXKD của công ty còn làm phát sinh các khoản trích lập dự phòng lớn. Đây cũng là tồn tại lớn nhất trong hoạt động của HĐQT công ty trong nhiệm kỳ qua và cần được tập trung đánh giá kỹ lưỡng hơn các yếu tố tác động đến hoạt động của công ty trong nhiệm kỳ tới với tôn chỉ đảm bảo hoạt động hiệu quả, đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các chỉ tiêu ĐHĐCĐ công ty giao, xây dựng và phát triển công ty.

B. KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2023:

Trên cơ sở phân tích dự báo tình hình chung của nền kinh tế-xã hội cũng như điều kiện SXKD hiện nay của công ty, Hội đồng quản trị cùng Ban TGD đã xây dựng và đề xuất kế hoạch hoạt động năm 2018, định hướng hoạt động giai đoạn 2018-2023 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

I. Kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2018:

1. Kế hoạch SXKD năm 2018 (Các chỉ tiêu chủ yếu):

- Tổng giá trị sản lượng: 222,897 tỷ đồng
- Tổng doanh thu: 204,328 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 10,0 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân CBCNV: 7.500.000 đ/ng/tháng
- Nộp ngân sách NN: 10,0 tỷ đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức: 7-10%

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2018:

- Giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch SXKD sau khi được Đại hội thông qua.
- Củng cố nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp, tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ đảm bảo công tác quản lý, điều hành theo điều lệ công ty và quy định của pháp luật.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho bộ máy quản lý và hoạt động SXKD của đơn vị.
- Xây dựng môi trường làm việc văn minh, lành mạnh, tạo điều kiện tốt nhất để từng thành viên phát huy tối đa khả năng chuyên môn của bản thân.
- Thực hiện thoái vốn tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tùng (Công ty con- đã hoàn thành).
- Theo dõi và quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư góp vốn dự án đầu tư nhà máy mới.
- Chỉ đạo, tăng cường công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Chỉ đạo việc hoàn thành soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Duy trì việc trao đổi thông tin thường xuyên về công tác quản lý và hoạt động SXKD giữa Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất, tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT cho công tác quản trị của công ty.
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo.

II. Kế hoạch, định hướng hoạt động giai đoạn 2018 ÷ 2023:

1. Mục tiêu chung giai đoạn 2018 ÷ 2023:

- Xây dựng và phát triển công ty theo hướng giữ vững và phát triển mở rộng ngành nghề bao bì làm trọng tâm, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng đẩy mạnh các sản phẩm bao bì mới phục vụ xuất khẩu; kết hợp phát triển nhưng giữ tỷ trọng hợp lý các ngành nghề kinh doanh vật tư, thiết bị, rút vốn khỏi các dự án hoặc lĩnh vực đầu tư ngoài ngành kém hiệu quả.
- Từng bước mở rộng hoạt động xuất khẩu nhằm tận dụng các cơ hội kinh doanh xuất khẩu những hàng hóa khai thác từ thị trường trong nước, đặc biệt tập trung cho việc khai thác và chọn lọc thị trường xuất khẩu các sản phẩm bao bì, xi măng, Clinker.
- Đầu tư phát triển mở rộng quy mô, thúc đẩy tăng trưởng sản xuất ngành bao bì, cụ thể là: Góp vốn đầu tư mở rộng thêm 01 nhà máy bao bì PP mới với quy mô năm ổn định đạt công suất 2.500-3.000 tấn SP/năm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

2. Các chỉ tiêu chính trong giai đoạn 2018 - 2023:

HĐQT đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản cho giai đoạn 5 năm (2018-2023) cụ thể như sau:

- ✓ Doanh thu tăng từ 7-10%/năm;

- ✓ Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 5-10%/năm;
- ✓ Chia cổ tức dự kiến từ 5 - 15%/năm;
- ✓ Thu nhập bình quân người lao động tăng hàng năm từ 10-15%/năm;
- ✓ Bảo toàn và tăng trưởng vốn chủ sở hữu.

2. Định hướng hoạt động trong nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023:

- Tập trung ưu tiên cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh xuất nhập khẩu, trong đó đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý nội bộ của công ty tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và điều hành.
- Mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm; Mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm bao bì.
- Giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD tại công ty liên kết đối với dự án đầu tư nhà máy sản xuất bao bì mới nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, góp phần nâng cao hiệu quả chung của DN.
- Nghiên cứu, cải tiến công nghệ, thiết bị kết hợp với các nghiệp vụ quản lý nhằm kiểm soát chặt chẽ về chi phí sản xuất/đơn vị sản phẩm theo hướng tiết kiệm vật tư nguyên liệu, tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tăng cường phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tác phong công nghiệp cao để đáp ứng được sự phát triển của đơn vị.
- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhân lực của công ty trong tương lai.
- Không ngừng nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động. Nâng cao hơn nữa điều kiện làm việc, môi trường làm việc, tạo sự thoải mái nhưng nghiêm túc, kỷ luật hơn trong công ty.
- Chỉ đạo sát sao đối với Ban điều hành trong công tác an toàn lao động, trang bị phương tiện thiết bị phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

Năm 2018, với việc ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2018÷2023) mong rằng HĐQT Công ty nhiệm kỳ IV (2018÷2023) sẽ nỗ lực hết mình trong việc định hướng chiến lược phát triển của công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành, sử dụng hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2017, tổng kết nhiệm kỳ 2013÷2017; kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2018 và định hướng giai đoạn 2018÷2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét cho ý kiến thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (b/cáo)
- TV.HĐQT, BKS
- Lưu TH, HĐQT



Nguyễn Trọng Sơn



Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM ĐỊNH NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà (STP)
- Căn cứ vào các quy chế, quy định của Công ty;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Căn cứ vào các nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính và hồ sơ, sổ sách của Công ty trong năm tài chính 2017;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán và ý kiến độc lập của kiểm toán viên và đơn vị kiểm toán;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo luật doanh nghiệp và theo điều lệ công ty cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà. Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về kết quả hoạt động kiểm soát và thẩm định năm 2017 của Ban kiểm soát như sau:

I/ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1/Nhân sự:

Nhân sự của Ban kiểm soát công ty có 3 thành viên nhiệm kì 2013-2018, bao gồm:

- Ông **Bùi Minh Tuấn** - Trưởng ban kiểm soát
- Ông **Nguyễn Quang Thiệu** - Ủy viên ban kiểm soát
- Ông **Nguyễn Tuấn Quân** - Ủy viên ban kiểm soát

Các thành viên ban kiểm soát gồm 02 thành viên kiêm nhiệm tại công ty và 01 thành viên ban kiểm soát độc lập.

2/ Các công việc đã thực hiện:

Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tiến hành lập kế hoạch xây dựng chương trình và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Ban kiểm soát công ty.
- Tham gia các cuộc họp của hội đồng quản trị.
- Xem xét thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, thẩm định báo cáo tài chính của công ty trong năm 2017; đảm bảo các báo cáo phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.
- Ban kiểm soát công ty đã kiểm tra công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính; kiểm tra sổ sách chứng từ kế toán, công tác đầu tư, công tác đấu thầu, công tác ký kết và thực hiện Hợp đồng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các hồ sơ tài liệu khác tại công ty.
- Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty năm 2017, xem xét báo cáo công tác kiểm toán, ý kiến kiểm toán viên và đơn vị kiểm toán phát hành.

II/ BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1/ Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty năm 2017:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc điều hành công ty năm 2017.

1.1 Các thành viên hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và người quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông, đảm bảo lợi ích của công ty và của các cổ đông.

1.2 Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo kịp thời và sát sao theo mục tiêu kế hoạch mà Đại Hội đồng cổ đông đã đề ra, công tác và điều hành sản xuất về cơ bản đều dựa vào điều lệ của Công ty và Nghị quyết đại hội cổ đông. Các kế hoạch trung và dài hạn được bàn bạc, tính toán cẩn trọng và thực hiện theo đúng trình tự.

1.3 Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình công tác hàng quý và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ hàng quý để kiểm tra xem xét việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và xây dựng kế hoạch cho quý tiếp theo.

1.4 Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và quyết định về công tác quản lý nội bộ theo thẩm quyền. Chỉ đạo và giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế quy định quản lý nội bộ đã ban hành.

1.5 Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã kịp thời, có sự thống nhất và nhất trí cao của các thành viên Hội đồng quản trị, các nghị quyết đều có tính thực thi cao, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ của công ty và đã được Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

1.6 Một số kết quả cụ thể:

- Đã tập trung chỉ đạo và ổn định công tác tổ chức và đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo đủ việc làm, đảm bảo tuyệt đối công tác an toàn lao động, đảm bảo công tác trả lương và các chế độ lương kịp thời cho người lao động, không nợ lương và thu nhập bình quân của người lao động đạt 8,75 triệu đồng/tháng/người.

- Năm 2017 Công ty nhìn nhận đánh giá bối cảnh nền kinh tế và vận dụng phù hợp với hoàn cảnh công ty và đã có những quyết định đúng đắn cho việc đầu tư, sản xuất kinh doanh phù hợp với khả năng của công ty trong điều kiện tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới còn khó khăn, chính vì vậy công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh và đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và an toàn về tài chính.

1.7 Tuy nhiên công tác quản lý điều hành còn một số tồn tại như sau:

Lợi nhuận năm 2017 chưa đạt được như kế hoạch đề ra, việc thu hồi vốn, thu hồi công nợ đã được triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, nhưng cuối kỳ công nợ phải thu vẫn còn cao đây cũng là vấn đề mà năm 2018 phải có giải pháp và sự phân công rõ ràng và có trách nhiệm hơn.

Việc tạo môi trường làm việc ổn định lâu dài để cho người lao động yên tâm làm việc và phải có biện pháp khơi dậy tiềm năng cống hiến của CBCNV cần phải làm tốt hơn nữa.

Đề nghị Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc công ty có biện pháp khắc phục ngay những tồn tại này.

2/ Kết quả thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty năm 2017:

Về cơ bản Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh mặc dù có một số các chỉ tiêu chủ chốt chưa đạt kế hoạch đề ra theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2017.

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đã thực hiện năm 2017 (Theo số liệu Hợp nhất của công ty)

STT	Các chỉ tiêu Kinh tế	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
	<i>1</i>		<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 3/2</i>
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	252,34	252,12	99,91%
2	Lao động và tiền lương	Triệu đồng	7,0	8,75	125,03%
3	Tổng Doanh thu + Thu nhập khác	Tỷ đồng	230,85	232,07	100,53%
4	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	14,6	9,7	66,48%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,0	3,04	101,55%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		2,30	
7	Trả cổ tức		Tỷ lệ 2,5 % bằng tiền mặt		

Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty chú trọng và hoạch định chiến lược về nhân lực, điều hành sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2018 cũng như các năm tiếp theo cụ thể, chi tiết và có tính thực thi cao để đảm bảo đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo việc làm thường xuyên cho người lao động... tạo nền tảng vững chắc ngày càng phát triển ổn định, cũng như bảo toàn phát triển vốn của cổ đông đóng góp.

3/ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính công ty năm 2017:

Ngay sau khi nhận báo cáo tài chính của công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm tra các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, kết hợp với việc xem xét báo cáo kiểm toán do công ty kiểm toán độc lập phát hành, Ban kiểm soát có những ý kiến nhận xét như sau:

3.1/ Công tác ghi chép hạch toán kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính, đã cập nhật các chuẩn mực, chế độ kế toán mới ban hành, thực hiện việc ghi chép, hạch toán theo đúng quy định của luật kế toán, chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty. Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán, đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ, việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ, kịp thời. Báo cáo kế toán được lập theo đúng mẫu biểu và gửi đúng đối tượng và đúng thời hạn quy định.

3.2/ Thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất công ty năm 2017(đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán và tư vấn A&C).

- **Tổng tài sản: 180,87 tỷ đồng trong đó:**

+ Tài sản ngắn hạn :142,06 tỷ đồng chiếm 78,54% Tổng tài sản

+ Tài sản dài hạn: 38,81 tỷ đồng chiếm 21,46% Tổng tài sản

- **Tổng nguồn vốn: 180,87 tỷ đồng trong đó:**

+ Nợ phải trả: 31,27 tỷ đồng chiếm 17,29% Tổng nguồn vốn

+ Vốn chủ sở hữu: 149,6 tỷ đồng chiếm 82,71 % Tổng nguồn vốn

Các chỉ số tài chính: để kiểm tra kết quả hoạt động về mặt tài chính và đánh giá mức độ lành mạnh của tài chính công ty như sau:

- Hệ số khả năng thanh toán:

+ Hệ số thanh toán tổng quát: $(\text{Tổng tài sản})/(\text{Nợ phải trả}) = 5,78$ lần (Năm 2016 là 5,73 lần)

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: $(\text{Tổng tài sản ngắn hạn})/(\text{Tổng nợ ngắn hạn}) = 4,54$ (năm 2016 là 4,36 lần)

+ Hệ số thanh toán nhanh: $(\text{Tổng tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho})/\text{Tổng nợ ngắn hạn} = 3,25$ lần (Năm 2016 là 3,36 lần)

- **Vòng quay tài sản cố định (TSCĐ):** Doanh thu/giá trị TSCĐ = 12,53 lần (năm 2016 là 12,77 lần)

Các hệ số khả năng thanh toán và vòng quay TSCĐ như trên cho thấy công ty đã sử dụng có hiệu quả vốn lưu động và máy móc thiết bị. Hệ số khả năng thanh toán nhanh của công ty cho thấy công ty có thể trang trải các khoản nợ ngắn hạn mà không cần đến các nguồn thu hay doanh thu từ bán hàng để thanh toán. Tuy nhiên công ty vẫn cần phải tập trung cho việc thu hồi công nợ để thu tiền về tài khoản và nâng cao hơn nữa các hệ số trên.

Từ việc phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản nêu trên, sau khi xem xét báo cáo kiểm toán do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành - Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

+ Năm 2017 công ty đã thực hiện đúng luật kế toán, chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành đảm bảo hợp lý, trung thực, trên khía cạnh trọng yếu.

+ Các chính sách kế toán như phương pháp xác định giá vốn, chính sách lập dự phòng, phương pháp khấu hao, phân bổ chi phí trả trước dài hạn ... được thực hiện theo đúng quy định và áp dụng nhất quán trong suốt năm tài chính của công ty.

Như vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2017, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, tình hình tài chính của công ty lành mạnh và minh bạch.

4/ Kiểm soát sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông:

- Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ hàng quý và bất thường đều có sự tham gia của ban kiểm soát, đại diện ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc công ty, qua đó các nghị quyết HĐQT đều được tổ chức và triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã thường xuyên cung cấp cho Ban kiểm soát các thông tin và các văn bản báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD. Trong năm 2017, ban kiểm soát nhận được đầy đủ các tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty.

- Hội đồng quản trị thường xuyên quan tâm đến công tác nhân sự, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tuyển dụng, đào tạo, theo dõi đánh giá và có những quyết định về tổ chức nhân sự sao cho phù hợp với định hướng và phát triển của đơn vị.

- Sự phối hợp làm việc nghiêm túc, chặt chẽ giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát nhằm mục đích chung là giúp Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 giao.

- BKS tổ chức 02 cuộc họp trong năm 2017 để trao đổi về cách thực hiện kế hoạch SXKD theo đúng chiến lược đã đề ra



III/ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ thay mặt các cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty. Trong năm 2018 Ban kiểm soát sẽ kiểm soát định kỳ hàng quý, thời gian sẽ được thông báo đến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và yêu cầu các phòng ban chức năng chuẩn bị số liệu, hồ sơ tài liệu trước ít nhất 01 tuần. Ngoài ra nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ công ty thì Ban kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có báo cáo tới các cổ đông. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

1- Quý I năm 2018

- Xem xét báo cáo tài chính năm 2017
- Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017
- Tham gia các cuộc họp HĐQT
- Đưa ra báo cáo phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính công ty Năm 2017

2- Quý II năm 2018

- Báo cáo Cổ đông về tình hình kiểm soát hoạt động công ty năm 2017
- Xem xét báo cáo tài chính quý I năm 2018
- Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý I của công ty
- Tham gia các cuộc họp HĐQT quý II
- Xem xét việc thực hiện nghị quyết ĐHCĐ năm 2018
- Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018

3- Quý III năm 2018

- Xem xét báo cáo tài chính quý II năm 2018
- Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý III năm 2018
- Tham gia các cuộc họp HĐQT

4- Quý IV năm 2018

- Xem xét báo cáo tài chính quý III năm 2018
- Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý IV năm 2018
- Tham gia các cuộc họp HĐQT

Ngoài ra, còn một số công việc khác theo thực tế thực hiện các công tác kiểm soát năm 2018 theo nhu cầu của công ty.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty trong năm 2017 và kế hoạch chương trình công tác của Ban kiểm soát trong năm 2018. Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trước đại hội cổ đông.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

Nơi nhận:

- ĐH đồng cổ đông;
- HĐQT, TGD công ty;
- TV BKS;
- Lưu BKS.



Bùi Minh Tuấn

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
Mã chứng khoán: STP

Hà Nội, tháng 04 năm 2018



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	12
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	19
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 27. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	25
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	27
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp.....	27
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	27
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	28
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	28
Điều 36. Kiểm soát viên.....	28
Điều 37. Ban kiểm soát.....	29
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	30
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng.....	30
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	30
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	31
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	32
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	32
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	32
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn.....	32
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
Điều 43. Phân phối lợi nhuận.....	32
Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	33
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	33
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	33
Điều 46. Năm tài chính.....	33
Điều 47. Chế độ kế toán.....	33
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	34
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	34
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	34
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	34
Điều 50. Kiểm toán.....	34
VII. CON DẤU.....	35
Điều 51. Con dấu.....	35
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	35
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	35
Điều 53. Thanh lý.....	35
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	36
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	36

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	36
Điều 55. Điều lệ công ty.....	36
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	36
Điều 56. Ngày hiệu lực	36
Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.....	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (Sau đây gọi là "Công ty"). Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 24 tháng 04 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - j. "Cổ phần chi phối và vốn góp chi phối của Công ty" là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của Doanh nghiệp khác.
 - k. "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, góp vốn chi phối tại Công ty khác hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường, có quyền quyết định đối với Điều lệ, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt của công ty đó.
 - l. "Công ty Mẹ, Công ty Con": Quan hệ giữa hai công ty được gọi là quan hệ Mẹ, Con khi có một trong hai công ty nắm quyền chi phối. Trong trường hợp này Công ty nắm quyền chi phối là Công ty Mẹ, Công ty còn lại là Công ty con.
 - m. "Công ty Con": là Doanh nghiệp được Công ty Mẹ đầu tư lớn hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty TNHH 1 thành viên, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty liên doanh, Công ty ở nước ngoài

n. “Công ty liên kết” là các Công ty có vốn góp nhỏ hơn 50% dưới mức chi phối của Công ty Mẹ được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty liên doanh với nước ngoài, Công ty ở nước ngoài.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà
- Tên tiếng Anh: Song Đà Industry Trade Joint Stock Company
- Tên Công ty viết tắt: STP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 41, đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (024) 33828440; (024) 33521290
- Fax: (024) 33822791
- E-mail:
- Website: <http://www.stp.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Sản xuất các loại bao bì từ nhựa, giấy. Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa. Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị. Khai thác quặng kim loại quý hiếm. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu, vật tư. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Nghiền đá xây dựng, bột đá công nghiệp. Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Kinh doanh bất động sản. In bao bì. Bán buôn thực phẩm. Bán buôn đồ uống. Bán buôn đồ dung khác cho gia đình. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.457.440.000 đồng (*bằng chữ: Tám mươi tỷ bốn trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.045.744 cổ phần (cổ phiếu) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là

cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền

bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh (theo lãi suất ngân hàng cho vay mà Công ty quan hệ tại từng thời điểm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản

nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ

đồng hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- m. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Đại hội đồng cổ đông có quyền ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Nội dung ủy quyền cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định bằng văn bản.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc gửi các tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp được gửi cho các cổ đông bằng phương thức đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Trường hợp tất cả các cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Hội đồng quản trị có thể lựa chọn và đề xuất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng hình thức bầu dồn phiếu hoặc bầu thông thường nếu HĐQT công ty cho rằng hình thức bầu cử đó phù hợp với tình hình công ty từng thời kỳ. Khi thực hiện hình thức bầu dồn phiếu phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến

80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức bằng văn bản được gửi đến trụ sở chính của công ty;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

o. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Quyết định các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh từ một (01) tỷ đồng đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của

công ty. Trường hợp dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu công ty chưa tổ chức được Đại hội kịp thời để xin ý kiến quyết định đầu tư thì Hội đồng quản trị trên cơ sở xem xét tính khả thi và hiệu quả của dự án để phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông phiên tiếp theo gần nhất, Trong trường hợp này, hội đồng quản trị công ty phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Đại hội đồng cổ đông.

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới

tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản

trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng một nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng

quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho

phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận là chênh lệch giữa doanh thu và chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để đạt được. Doanh thu đó từ các hoạt động của Doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước, được phân phối vào quỹ khen thưởng phúc lợi, chia cổ tức cho các cổ đông. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích quỹ, chia cổ tức cho các cổ đông được trích vào quỹ đầu tư phát triển, mức trích tối đa 30%. Mức trích lập các quỹ, chia cổ tức cho các cổ đông được thực hiện theo phương án do Hội đồng quản trị trình và được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua nhưng không vượt quá mức tối đa Nhà nước cho phép.

2. Quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quy chế tài chính của doanh nghiệp..

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi, lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

VII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

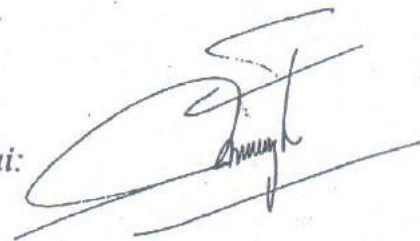
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

Chữ ký thứ nhất:



Chữ ký thứ hai:



TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Trọng Sơn



QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
Mã chứng khoán: STP

Hà Nội, tháng 04 năm 2018

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-HĐQT ngày/...../2018
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà)

CHƯƠNG I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được xây dựng căn cứ theo quy định của:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp (dưới đây gọi là “Luật Doanh nghiệp”);

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán (dưới đây gọi là “Luật Chứng khoán”);

- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dưới đây gọi là “Nghị định số 71/2017/NĐ-CP”);

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (dưới đây gọi là “Thông tư số 95/2017/TT-BTC”);

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà;

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà.

Mục tiêu lớn nhất của Quy chế quản trị công ty là đảm bảo lợi ích của cổ đông, đảm bảo cổ đông được đối xử công bằng.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty cổ phần Công nghiệp thương mại Sông Đà bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

b. “Công ty” là công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà;

c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;

d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết và công ty đại chúng.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc gửi các tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp được gửi cho các cổ đông bằng phương thức đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng

số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty;
- b. Các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:
 - Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - Định hướng phát triển công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
3. Không đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác;
4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể lựa chọn và đề xuất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng hình thức bầu dồn phiếu hoặc bầu thông thường nếu HĐQT công ty cho rằng hình thức bầu cử đó phù hợp với tình hình công ty từng thời kỳ. Khi thực hiện hình thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với Hội đồng quản trị.

Trường hợp phải lựa chọn một trong hai ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có số cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch đoàn quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Có đơn từ chức bằng văn bản được gửi đến trụ sở chính của công ty;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức việc đề cử theo cơ chế hoặc cách thức do Hội đồng quản trị đương

nhệm công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 của Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản các cuộc họp của HĐQT phải được lập chi tiết, rõ ràng. Thư ký và các thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 24. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

1. Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

2. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên;

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

5. Không phải là người trong bộ phận kế toán tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

6. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50%

được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế hoặc cách thức do Ban kiểm soát đương nhiệm công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 29 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Kiểm soát viên thực hiện theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban

và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 31. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

3. Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

Điều 32. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng một nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

3. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp thực hiện theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản,

1. Hội đồng quản trị sẽ mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị. Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Thông báo họp Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Tại các phiên họp của Ban kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc tham gia cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng Ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Ban kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.

3. Tại các phiên họp của Ban Tổng giám đốc có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 37. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 39. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát, của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác, đề nghị bằng văn bản phải nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận.

2. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 40. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- a. Thực hiện nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ;
- b. Kế hoạch thực hiện kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- d. Bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

e. Các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT và BKS

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các đối tượng này khi được yêu cầu.

3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

CHƯƠNG IX NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 41. Tiêu chuẩn và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 43. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG X.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp

đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT Công ty xem xét và quyết định
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 48. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương, 48 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp thương mại Sông Đà nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Trọng Sơn